

LỄ HỘI THÁP BÀ PÔ NAGAR TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở TỈNH KHÁNH HÒA

Võ Văn Thật¹, Huỳnh Đức Thiện^{2,*}

¹Trường Đại học Sài Gòn

²Trường Đại học KHXH&NV – ĐHQG TP.HCM

*Email: thienhuynhduc@hcmussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 07/06/2022; Ngày nhận đăng: 01/06/2023

Tóm tắt

Lễ hội tháp Bà Pô Nagar được khảo sát trong hệ toạ độ văn hóa để tìm hiểu vai trò của nó đối với việc tổ chức xã hội, điều chỉnh xã hội, giao tiếp xã hội và giáo dục cộng đồng trong không gian địa lý cụ thể là tỉnh Khánh Hòa. Trên tinh thần hướng về cội nguồn, bài viết này muốn đóng góp một phần nhỏ vào công cuộc phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp và đạo lý của dân tộc cho việc phát triển đất nước hôm nay.

Từ khóa: Lễ hội Tháp Bà, tháp Bà Pô Nagar, văn hóa tỉnh Khánh Hòa

The festival of Lady Pô Nagar Tower in the cultural life of Khanh Hoa province

Vo Van That¹, Huynh Duc Thien²

¹Sai Gon University

²University of Social Sciences and Humanities

Received: June 07, 2022; Accepted: June 01, 2023

Abstract

Putting the festival of the Tower of Lady Pô Nagar in a co-ordinated culture in order to find out the roles of the festival as it relates to social organization, social adjusting, social communication and communicated education in Khanh Hoa province. Reverting to the original point, the research on “The Festival of Lady Pô Nagar Tower in the cultural life of Khanh Hoa province” is a humble work of the researcher to contribute displaying the Vietnamese traditions in the current context of Vietnam’s socio-economic development.

Key words: festival of the tower, Lady Pô Nagar Tower, cultural of Khanh Hoa province

1. Tổng quan về Tháp Bà

Khánh Hòa nằm ở vùng Nam Trung bộ với diện tích tự nhiên là 5.197 km². Tỉnh lỵ Nha Trang cách thành phố Hồ Chí Minh 447 km và cách thủ đô Hà Nội 1.278 km đường bộ. Bờ biển dài đã tạo cho Khánh Hòa nhiều cửa lạch, đầm và vịnh. Các đặc điểm này rất rõ nét vào thời tiền – sơ sử, khiến cho Khánh Hòa được mệnh danh là vùng văn hóa cồn bàu (Trần Quốc Vượng,

1998, tr. 451). Địa hình Khánh Hòa tương phản rõ nét giữa một bên là núi cao và bên kia là vùng đồng bằng hẹp ven biển. Chính sự đối chọi đó của thiên nhiên đã tạo cho Khánh Hòa những sản vật đặc biệt như trầm hương, vàng (Trần Ngọc Thêm, 1998, tr. 228)... Một cách đặc trưng, Khánh Hòa được biết đến như là xứ trầm hương. Các con sông đều rất ngắn, độ dốc cao, chảy từ tây sang đông. Nhiệt độ trung bình năm là

26,7°C. Mùa mưa tập trung 4 tháng từ tháng 9 đến tháng 12. Độ ẩm tương đối là 80,5 % (<http://www.khanhhoa.gov.vn/>).

Về lịch sử, trước khi trở thành đất của Đại Việt, Khánh Hòa là một phần của Vương quốc Chăm-pa. Vào năm 1653 chúa Nguyễn Phúc Tần sai quân vào tận Phan Rang đánh chiếm đất. Vua Chăm là Bà Tấm đầu hàng và nhượng đất từ phía đông sông Phan Rang đến Phú Yên cho chúa Nguyễn. Tên tỉnh Khánh Hòa được đặt vào năm 1832 thời vua Minh Mạng, chia thành 2 phủ là Diên Khánh và Ninh Hoà. Đây là tỉnh có nhiều di tích lịch sử của vương quốc Chăm-pa để lại. Tiêu biểu nhất trong các di tích này là Tháp Bà. Đây là một quần thể kiến trúc gồm 4 ngôi tháp Chăm được xây dựng từ thế kỷ thứ VIII đến thế kỷ thứ XIII trên một ngọn đồi cao khoảng 30m thuộc làng Cù Lao, nằm phía Bắc thành phố Nha Trang, một tháp thờ Bà Mẹ Xứ Sở là Pô Nagar gồm các dân tộc Việt, Raglai, Hoa, Chăm và Cơ-her (http://www.khanhhoa.gov.vn/).

Trên nền không gian và thời gian đó, lễ hội tháp bà Pô Nagar đã được hình thành. Ban đầu, đây là lễ hội của người Chăm, nhằm suy tôn nữ thần Mẹ Xứ Sở, Pô Nagar. Người Việt, từ khi đến định cư ở vùng đất mới, trong quá trình tiếp biến văn hóa, đã tiếp nhận thần tượng Pô Nagar (vốn là sản phẩm tín ngưỡng dân gian của một xã hội thị tộc mẫu hệ) vào tục thờ cúng của mình như tục thờ Mẹ Âu Cơ, Bà Đanh, Bà Đậu... Tháp Bà dần dần trở thành nơi thờ cúng Bà Mẹ chung của các dân tộc cùng cộng cư trên vùng đất Nam Trung Bộ (Thạch Phương, Lê Trung Vũ, 1995, tr. 197-198).

Như thế, vị thần của người Chăm theo đạo Bàlamôn Pô Nagar đã chuyển thành vị thần Việt hiển linh dưới danh hiệu Thiên Y A Na Ngọc Diễm Phi (vừa theo cách diễn âm, vừa theo cách chuyển nghĩa từ tiếng Chăm: Pô Yang Inô Nagar) được thờ ở hai

nơi tập trung lớn nhất khu vực Đàng Trong: điện Hòn Chén (Huế) và Tháp Bà (Nha Trang). Thần tích Nữ thần được thành văn vào năm 1856 - năm ra đời bản văn bia do Phan Thanh Giản ghi lại ở núi Đại An (Khánh Hòa). Hơn 50 năm sau, bài văn được đưa vào sách *Đại Nam nhất thống chí* với tên gọi “sự tích Tháp Thiên Y” (Đại Nam nhất thống chí, tỉnh Phú Yên - Khánh Hòa, 1964, tr. 93).

Xưa kia, người Chăm tổ chức nghi lễ cúng Bà Pô Nagar vào tháng 3 âm lịch hằng năm, từ ngày 20 đến 23. Lễ dâng cúng Bà gồm có hoa (thường là bông điệp), quả và trầm hương (không có nhang). Dê là vật tế chính, đôi khi có gà. Nghi lễ bày tỏ lòng sùng kính đối với công lao tạo dựng nên đất nước, sinh ra muôn vật, sáng tạo văn hóa của Nữ thần và cầu xin Nữ thần ban cho mọi người sự may mắn, tốt lành, sức khỏe, mùa màng bội thu: *Ngài là nữ thần, Mẹ Vương quốc. Ngài tạo dựng nên vùng đất cho cây cối và rừng gỗ quý sinh sôi. Ngài tạo nên giống lúa và dạy dân cách trồng trọt...* (Thạch Phương, Lê Trung Vũ, 1995, tr. 197).

Từ khi người Việt đóng vai trò chủ thể lễ hội Tháp Bà, họ vẫn giữ nguyên thời gian mở lễ hội. Ngoài nhân dân tỉnh Khánh Hòa, còn có khách hành hương từ các nơi khác đổ về dự hội như thành phố Hồ Chí Minh, Đà Lạt, các tỉnh miền Đông Nam Bộ, Ninh Thuận, Bình Thuận, có cả bà con người Chăm, người Hoa, người Miên. Một vài chi tiết thay đổi như người Việt đốt cả trầm hương và đốt nhang, tục lệ “múa bóng” ở nơi chính điện vẫn là một phần của nghi lễ, tuy có cải biên...

Lễ hội Tháp Bà Nha Trang của người Việt ngày nay có một số thay đổi trong nghi thức cúng kiến so với lễ hội người Chăm xưa, nhưng đều xuất phát từ một góc chung mang tính nghi lễ phồn thực truyền thống và cùng mang một ý hướng chung là

tỏ lòng tri ân và sùng kính Bà Mẹ đã tạo dựng nên đất nước kỳ vĩ, sáng tạo nên nền văn minh vật chất và tinh thần quý giá cho con người.

2. Những đóng góp văn hóa của lễ hội Tháp Bà

Hoạt động của lễ hội bao giờ cũng liên quan cách cốt yếu với thời gian. Nằm sâu trong cốt lõi của nó là một hệ thống các quan niệm nhất định và cụ thể về thời gian vũ trụ, thời gian sinh vật, thời gian lịch sử và thời gian tâm linh... Chính những yếu tố ấy dưới những hình thức cụ thể của những lễ hội cụ thể đã làm nên tính hội hè đặc thù của ngày hội (M. M. Bakhtin, 2006, tr. 32). Đây là “quy luật thời gian” trong hệ thống phân bố theo không gian của lễ hội (trong khi lễ Tết phân bố theo thời gian). Các lễ hội Việt Nam tập trung vào hai mùa có ít công việc đồng áng nhất: mùa xuân và mùa thu (Trần Ngọc Thêm, 2004, tr. 273).

2.1. Lễ hội tháp bà Pô Nagar cũng nằm trong “quy luật thời gian” của hệ thống phân bố thời gian lễ hội của Việt Nam, lễ hội này được tổ chức vào mùa xuân, từ ngày 20 đến 23 tháng ba (Thạch Phương, Lê Trung Vũ, 1995, tr. 195). Người Chăm xưa kia, và người Việt ngày nay khi tổ chức nghi lễ thờ cúng Bà Mẹ Xứ Sở đều cùng bày tỏ tấm lòng tri ân đối với công lao tạo dựng và dạy dỗ của Nữ thần, *Đấng tạo dựng nên vùng đất cho cây cối và rừng gỗ quý sinh sôi, tạo nên giống lúa và dạy dân cách trồng trọt...* Có ít nhất hai kết luận khả dĩ được ghi nhận ở đây:

(1) Yếu tố loại hình văn hóa nông nghiệp được diễn tả rõ nét trong lời kinh bày tỏ lòng sùng kính: *Mẹ tạo nên giống lúa và dạy dân cách trồng trọt;*

(2) Lễ hội này là không gian gắn kết các dân tộc, đặc biệt là Chăm tộc và Việt tộc, cùng cộng cư trên vùng đất Khánh Hòa. Hình tượng Bà Mẹ Xứ Sở, một tiếp nối của cổ đạo thờ Mẫu được chủ thể văn hóa mới -

người Việt - tiếp nhận, tôn vinh trong bối cảnh xã hội hoàn toàn mới. Sinh hoạt văn hóa này đã thật sự tạo ra một trật tự ổn định cho xã hội có nhiều dân tộc cùng cộng cư.

Chức năng đầu tiên của văn hóa là nhằm tổ chức xã hội (Trần Ngọc Thêm, 2004, tr. 21). Người Việt, trong quá trình Nam tiến, đã thay dân tộc Chăm làm chủ thể văn hóa của miền Khánh Hòa. Nếu chủ thể mới này không biết linh hoạt tiếp thu và tổ chức lại cấu trúc hệ thống lễ hội, trong đó tất cả mọi thành phần, nhất là yếu tố bản địa Chăm, đều được tham gia và góp công trong lễ hội tôn vinh Bà, thì xã hội sẽ khó bề duy trì sự ổn định lâu dài. Đây cũng còn là đặc trưng tiêu biểu để khu biệt “lễ hội” và “lễ tết”: tính cộng đồng. Đặc trưng “khuôn mẫu” và có tính “chu kỳ” này, hơn lúc nào hết, sẽ đảm bảo cho xã hội được tổ chức thật quy củ và ổn định. Điều này đúng cho các lễ hội nói chung, và cũng thật đúng cho lễ hội của các dân tộc anh em đang cùng chung sống trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2.2. Thứ hai, cũng có thể nói như M. M. Bakhtin: Lễ hội về thực chất là cuộc sống được tái hiện dưới hình thức tế lễ và trò diễn. Đó là cuộc sống lao động, chiến đấu của cộng đồng cư dân. Tuy nhiên, bản thân cuộc sống không thể trở thành lễ hội được nếu như chính nó không được thăng hoa, liên kết và quy tụ lại thành thế giới của tâm linh, tư tưởng của các biểu tượng, vượt lên trên thế giới của phương tiện và điều kiện tất yếu. Đó là thế giới, là cuộc sống thứ hai thoát ly tạm thời thực tại, đạt tới hiện thực lý tưởng mà ở đó mọi thứ đều trở nên đẹp đẽ, lung linh, siêu việt và cao cả (Hồ Hoàng Hoa, 1998, tr. 23). Chính vẻ đẹp này của lễ hội đã tạo nên những giá trị cổ kết cộng đồng.

Lễ hội Tháp Bà Pô Nagar thuộc về lễ hội tôn giáo và văn hóa, liên quan đến đời sống cộng đồng (Trần Ngọc Thêm, 2004, tr. 275). Cuộc đời của Bà Mẹ Xứ Sở là cả một huyền thoại lạ lùng: Bà vốn là một tiên

nữ giáng trần, rồi sau nhập vào khúc gỗ trầm hương theo nước sông ra biển trôi lên phương Bắc. Thái tử Bắc Hải được gỗ quý mang về kinh. Một đêm trăng thanh thái tử kỳ ngộ tiên nữ bước ra từ khúc gỗ. Hai người thành vợ chồng và sinh con cái. Nhưng rồi lòng nhớ quê thôi thúc, nàng đã đưa các con nhập vào khúc kỳ nam, rồi vượt biển trở về quê cũ. Ở nơi quê hương, Bà đã dạy dân cách trồng bắp, trồng dưa, trồng lúa, trồng bông dệt vải, cách chữa bệnh, đặt ra lễ nghi... Rồi một hôm ngày lành tháng tốt, có một con chim hạc từ trên mây đáp xuống, đưa Bà cùng hai con bay về tiên cảnh. Rõ ràng, toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của Bà là một hình tượng nghệ thuật được “huyền thánh hóa” với các thủ pháp tượng trưng, ước lệ và phóng đại để đẹp hóa, cao cả hóa và thiêng hóa nhằm phản ánh khát khao phi thường và hiện thực những công việc phi thường như mong ước của người dân.

Như thế, đẹp hóa, thiêng hóa và quy chuẩn hóa là những giá trị bắt buộc của một lễ hội. Khi người Chăm cử hành lễ tế Bà, tiền lễ của họ là hoa (thường là bông điệp), quả và trầm hương (không có nhang); dê là vật tế chính, đôi khi có gà. Đây là những tế phẩm “thanh sạch”. Người Việt cũng thế, toàn bộ nhân sự hành lễ và tế cụ đều phải được chọn lọc phù hợp với tiêu chuẩn thiêng hóa. Tắm bà phải là các trinh nữ, còn nước thì được nấu kỹ với các loại hoa, lá có hương thơm. Các khăn tắm đều hoàn toàn mới và các động tác tiến hành đều phải rất cẩn trọng, nâng niu với lòng thành kính. Xiêm y mới cho Bà luôn là các loại hàng quý hiếm và đắt giá... Tất cả những tiêu chuẩn thẩm mỹ và thánh thiêng này đều được thống nhất một cách nghiêm trang, cẩn trọng. Không có một sự tùy tiện nào trong các bước tiến hành tế lễ. Có như thế thì một cuộc lễ mới có ý nghĩa đối với người sống, tạo sự thăng hoa tinh thần

trong các hội lễ. Tế lễ trở thành một hành vi văn hóa, tức là một biểu hiện cách ứng xử của con người hiện tại với những giá trị truyền thống thiêng liêng mang ý nghĩa văn hóa hay lịch sử.

Lễ hội Tháp Bà, với những biểu hiện nội dung và đặc tính thẩm mỹ như thế, đã luôn tồn tại dưới hình thức cái đẹp và phản ánh cái đẹp, tức là chứa đựng các giá trị. Ở dạng thức này, nó biểu thị cho các giá trị xã hội, tạo sức mạnh cố kết cộng đồng. Như thế, bên cạnh các thiết chế xã hội như hương ước, gia đình hay dòng họ, lễ hội Tháp Bà Pô Nagar đã đóng vai trò kiểm soát và điều chỉnh các quan hệ xã hội nơi địa bàn tỉnh Khánh Hòa xưa cũng như nay. Đó là chức năng xem xét các giá trị và điều chỉnh xã hội của lễ hội này.

2.3. Thứ ba, lễ hội Tháp Bà ban đầu là “tác phẩm” văn hóa của người Chăm, nhưng sau đó đã trở thành tài sản chung của cư dân Khánh Hòa. Nhìn trong tính chất xã hội của lễ hội, nó là quảng trường của tâm hồn. Xét về tính chất văn hóa, lễ hội là cái nôi sản sinh và nuôi dưỡng nghệ thuật như mỹ thuật, nghệ thuật giải trí, kịch văn hóa. Và với ý nghĩa đó, lễ hội tồn tại và có liên hệ mật thiết với sự phát triển của văn hóa (Hồ Hoàng Hoa, 1998, tr. 24). Như vậy, lễ hội là một hiện tượng xã hội, là sản phẩm hoạt động thực tiễn của con người, có tính nhân sinh. Do gắn liền với đời sống và hoạt động xã hội - cách riêng ở bình diện văn hóa - của con người, lễ hội cũng trở thành một dạng công cụ giao tiếp giữa con người với nhau.

Trong lễ hội, con người có những quan hệ thân mật và sự giao tiếp phóng khoáng được tái sinh bằng sự tái hoà nhập cộng đồng. Những quan hệ tưởng như đã cũ kỹ được đổi mới trong những ngày hội lễ. Bầu không khí sinh hoạt văn hóa này xoá đi sự xa lạ, lạnh lùng, trơ mòn bởi cái thường nhật lặp đi lặp lại trong quan hệ giữa con người với nhau. Nhiều cung bậc tình cảm

như tình làng nghĩa xóm, tình đồng bào, tình phường hội, tình thân tộc và tình cảm bạn bè nhờ vào không khí hội hè cũng có thêm sắc thái mới. Nhờ vậy, dường như mỗi con người đang trở về với chính mình và cảm thấy mình đích thực là con người giữa cộng đồng. Cảm nhận đó đến với người tham gia lễ hội thông qua những quan hệ đa dạng của vật chất - tâm linh sống động của đời sống lễ hội. Đó là những hàm nghĩa giao tiếp sâu sắc của lễ hội.

Các dân tộc anh em sống ở Khánh Hòa, có chung ngôn ngữ tâm linh là cùng thờ mẹ Pô Nagar. Gần đến ngày Lễ hội, họ rạo rức chờ đợi. Khi hội lễ diễn ra, lòng tự hào quê hương của họ được khơi dậy. Người ta đi dự lễ tế không chỉ để thỏa mãn khát vọng tâm linh cá nhân, nhưng còn để cùng đồng cảm và đoàn kết vượt qua những khó khăn, thử thách trong hiện tại. Khả năng khơi dậy mỗi đồng cảm trong “lễ tế” và mở ra không gian cho mọi người cùng vui chơi trong phần “hội” là chính chức năng giao tiếp của lễ hội.

Nghề trồng lúa nước mang tính thời vụ cao: vào mùa, người nông dân tất bật với công việc đồng áng. Vì thế, lúc nông nhàn, người ta có tâm lý chơi bù, ăn bù (Trần Ngọc Thêm, 2004, tr. 265-266). Thiết tưởng, bên cạnh cái ăn và cái chơi ấy, giao tiếp là hoạt động được sử dụng nhiều nhất. Lúc lễ hội được tổ chức cũng đồng thời là điểm kết thúc của một chu kỳ sản xuất, mở đầu cho một chu kỳ mới. Đây đồng thời là vòng quay của thời tiết – đời sống sản xuất, và là mạch nối giữa đời sống vật chất - tinh thần, giữa trần thế và tâm linh. Nghi lễ cúng Bà Pô Nagar được tổ chức vào tháng 3 âm lịch. Đây là thời điểm ảm áp cuối mùa xuân của miền Nam Trung Bộ, thời điểm thuận tiện cho việc cấy trồng. Mẹ Pô Nagar là Người sinh ra giống lúa và dạy dân trồng trọt. Rõ ràng sinh hoạt tín ngưỡng này gắn liền với thực tế sản xuất của người dân, chủ

yếu là làm nông nghiệp. Chính thế mà lễ hội này đã phản ánh được thực tại xã hội, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của người dân. Sau một năm làm lụng vất vả và với những hoa màu thu hoạch được vào tháng chạp, lễ hội được tổ chức để tạ ơn Bà.

Tất cả nội dung tâm linh và văn hóa ấy đã tạo ra mạch nối giao tiếp giữa các dân tộc anh em Khánh Hòa. Nếu không đáp ứng được yêu cầu chia sẻ và thông tin liên vị về nhu cầu văn hóa, lễ hội Tháp Bà khó có sức hấp dẫn đến thế.

2.4. Và cuối cùng, bởi lễ hội là một sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng cao, nên đây là môi trường thuận tiện nhất để thực hiện giáo dục cộng đồng.

Lễ hội Tháp Bà đã có một bề dày lịch sử lâu đời, phản ánh ước vọng phồn thực của cư dân nông nghiệp. Thờ Mẫu là một khát khao sinh sôi nảy nở phong nhiêu đã có từ xưa nơi người Việt. Bà Mẹ Xứ Sở của người Chăm đã làm giàu thêm cho tín ngưỡng này của con cháu Mẹ Âu Cơ. Huyền thoại đi về Bắc Hải của Bà Pô Nagar trong khúc gỗ trầm phải chăng là nỗi hoài niệm của giống nòi Lạc Việt về mẹ Âu Cơ nơi phương Bắc: *Từ thuở mang gươm đi mở cõi, Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long*. Nếu thế, Lễ hội này vừa là niềm tạ ơn đối với Bà Mẹ bản địa, vừa là một bài học lịch sử cho thế hệ hôm nay đối với công ơn tổ tiên mở mang bờ cõi.

Lễ hội Tháp Bà không thuần túy là một ngày lễ tế đối với riêng Bà Mẹ Xứ Sở. Vượt lên những kỷ niệm ban đầu, sinh hoạt văn hóa này đã trở thành dịp để con người truyền đạt tình cảm, đạo lý và khát vọng cho nhau, là cơ hội để các dân tộc anh em Khánh Hòa giao hoà với quá khứ và hiện tại. Qua đó, họ củng cố thêm sức mạnh cộng đồng và thể hiện sự tôn kính đối với tạo hóa và tổ tiên cội nguồn của mình. Không gian lễ hội Tháp Bà đã trở nên linh thiêng để lưu giữ các huyền thoại và lịch sử

dân tộc, cả thiên thần và nhân thần - những người có công khai hoang mở đất và xây dựng đất nước, những vị tổ của các nghề... Chính lễ hội này đã làm sống lại các huyền thoại, truyền thuyết; hay nói cách khác, những con người từ quá khứ đã hiện về bất tử và tham gia vào lễ hội cùng với con người ngày hôm nay. Hoạt động hưởng thụ này là căn nguyên tồn tại của lễ hội Tháp Bà, và cũng là nguồn gốc nối kết các dân tộc Khánh Hòa với nhau.

Chính tại điểm này, truyền thống văn hóa được bảo lưu và được truyền đạt đến cho mọi thế hệ. Một đường dây thiêng liêng được thiết lập nối liền cuộc sống hiện tại với các giá trị truyền thống của quá khứ nhằm cho tất cả những người đang sống nhìn về lý tưởng tốt đẹp nhất. Cộng đồng các dân tộc Khánh Hòa cùng hướng tới những đối tượng thiêng liêng cao cả, nghĩa là hướng tới các chuẩn mực, giá trị và biểu tượng văn hóa. Như thế, với tư cách là một thiết chế văn hóa, lễ hội Tháp Bà đã góp phần gìn giữ, lưu truyền và giáo dục truyền thống văn hóa cho người dân ở Khánh Hòa.

3. Kết luận

Lễ hội Tháp Bà Pô Nagar, dù truyền thuyết có thể nào đi nữa, đó vẫn là một sinh hoạt văn hóa mang đậm tính dân gian của cư dân Khánh Hòa. Nó thể hiện cái nhìn còn “ngây thơ” về vũ trụ của cư dân nông

ngiệp, từ người Chăm cho đến người Việt. Người tham dự lễ hội, bởi vậy luôn luôn cảm thấy thanh thản với những điều mong ước tốt lành, giải bày tâm niệm của mình trước hết vẫn mong sao cho đất nước bình yên, mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu, gia đình an khang, thịnh vượng. Mặc dù là một lễ hội tôn giáo và văn hóa, lễ hội Tháp Bà cũng đem đến cho người dự lễ hội cả bốn hình thức ứng xử: ứng xử với tự nhiên, ứng xử với cộng đồng, ứng xử với chính mình và ứng xử với đấng thiêng liêng. Có thể nói ứng xử của con người trong lễ hội này vẫn còn mang nét nguyên hợp nào đó. Đó cũng chính là triết lý, hàm nghĩa sâu xa nhất của lễ hội Tháp Bà Pô Nagar.

Hơn nữa, trên bình diện tín ngưỡng, lễ hội Tháp Bà còn mang ý nghĩa tích cực trong việc giải quyết nhu cầu tâm linh, tạo dựng niềm tin về vụ mùa mới bội thu, sự hăng say lao động trong mỗi cộng đồng dân tộc ở Khánh Hòa. Bởi, trong cuộc sống đối diện với những bất trắc mang tính thường trực, để có thể sinh tồn, vượt lên trên thách thức, họ phải hướng tới sức mạnh siêu nhiên qua hình ảnh các vị thần linh qua nghi lễ này. Đây là điều mà khó có thể thay thế một sớm một chiều. Thiết tưởng, đó là những đóng góp của lễ hội Tháp Bà Pô Nagar cho đời sống văn hóa ở tỉnh Khánh Hòa vậy□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Thiết (1993), *Từ điển hội lễ Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
 Đại Nam nhất thống chí, tỉnh Phú Yên - Khánh Hòa (1964) (bản dịch của Nguyễn Đức Xứng và Trần Xuân), Nha Văn hóa Giáo dục, Sài Gòn.
 Hồ Hoàng Hoa (1998) *Lễ hội – Một nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 Hoàng Phê (chủ biên) (2008), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
 M.M. Bakhtin (2006), *Sáng tác của Francois Rabelais và nền văn hóa dân gian trung cổ và phục hưng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 Thạch Phương, Lê Trung Vũ (1995), *60 lễ hội truyền thống Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam* (in lần thứ tư), Nxb TP.HCM.
 Trần Quốc Vượng (1998), *Việt Nam, cái nhìn địa – văn hóa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.